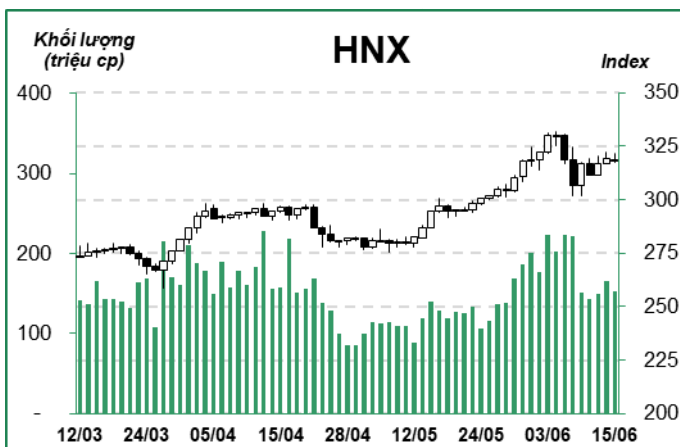
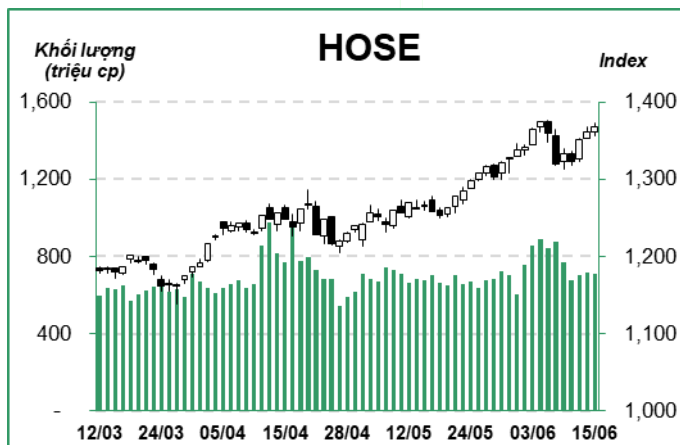


## Tổng quan thị trường

15/06/2021	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
<b>Giá trị đóng cửa</b>	<b>1,367.36</b>	<b>0.41%</b>	<b>1,487.04</b>	<b>-0.57%</b>	<b>318.29</b>	<b>-0.22%</b>
Cuối tuần trước	1,351.74	1.16%	1,487.61	-0.04%	316.69	0.51%
Trung bình 20 ngày	1,335.78	2.36%	1,464.59	1.53%	314.53	1.20%
<b>Tổng KLGĐ (triệu cp)</b>	<b>730.94</b>	<b>-5.77%</b>	<b>242.46</b>	<b>-7.67%</b>	<b>225.61</b>	<b>35.71%</b>
<b>KLGĐ khớp lệnh</b>	<b>706.57</b>	<b>-1.26%</b>	<b>239.02</b>	<b>-4.23%</b>	<b>152.98</b>	<b>-7.39%</b>
Trung bình 20 ngày	734.16	-3.76%	274.16	-12.82%	168.44	-9.18%
<b>Tổng GTGD (tỷ đồng)</b>	<b>24,425.32</b>	<b>-3.59%</b>	<b>12,746.62</b>	<b>-9.19%</b>	<b>6,405.78</b>	<b>58.27%</b>
<b>GTGD khớp lệnh</b>	<b>23,183.87</b>	<b>-0.19%</b>	<b>12,428.32</b>	<b>-7.06%</b>	<b>4,135.75</b>	<b>3.40%</b>
Trung bình 20 ngày	23,830.01	-2.71%	13,873.46	-10.42%	3,988.47	3.69%
	<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>		<b>Tỷ trọng</b>	
<b>Số mã tăng</b>	183	41%	12	40%	83	22%
<b>Số mã giảm</b>	198	45%	15	50%	118	32%
<b>Số mã đứng giá</b>	63	14%	3	10%	168	46%



Thị trường tiếp tục tăng điểm trong phiên ngày thứ 3. Tuy nhiên, đà tăng đang dần thu hẹp qua từng phiên khi nhóm cổ phiếu ngân hàng không còn giữ được sự dẫn dắt như giai đoạn trước đó và bắt đầu bị bán tháo mạnh. Thay vào đó, dòng tiền có dấu hiệu dịch chuyển sang một số nhóm ngành khác để giữ chỉ số, đặc biệt là nhóm BĐS và BĐS khu công nghiệp.

Trên sàn HoSE, chỉ số VN-Index chốt phiên tăng lên mức 1,367.36 điểm (+0.41%). Thanh khoản tương đương phiên hôm qua với KLGĐ khớp lệnh đạt 706.6 triệu cổ phiếu (-1.3%), tương ứng với 23,184 tỷ đồng giá trị (-0.2%). Độ rộng thị trường tiếp tục diễn biến giằng co của các cổ phiếu nhưng số mã giảm có phần chiếm ưu thế hơn trong phiên hôm nay với 198 mã giảm/183 mã tăng.

Tâm điểm của phiên giao dịch hôm nay là nhóm BĐS và BĐS khu công nghiệp với hàng loạt cổ phiếu hút tiền khá tốt như Vinhomes-VHM (+2.5%), Vingroup-VIC (+1.4%), Vincom Retail-VRE (+2.8%) của nhóm BĐS hay Becamex IDC-BCM (+3.8%), Đô thị Kinh Bắc-KBC (+6.9%) của nhóm BĐS khu công nghiệp. Cùng với đó, Tập đoàn Cao su Việt Nam-GVR (+6.9%), Ngân hàng Á Châu-ACB (+3.7%) cũng đáng chú ý khi được kỳ vọng có thể sẽ lọt vào rổ chỉ số VN30 trong kỳ sau. Ở chiều ngược lại, nhóm ngân hàng gây sức ép chính cho chỉ số với một số cổ phiếu bất ngờ giảm sâu như VPBank-VPB (-6.2%), SeABank-SSB (-4.0%), Ngân hàng Bưu điện Liên Việt-LPB (-5.5%). Cùng với đó, áp lực chốt lời cũng xuất hiện ở một số nhóm ngành midcap tăng tốt trong những phiên gần đây như nhóm dược, phân bón hay dệt may.

Về giao dịch khối ngoại, khối này đảo chiều mua ròng trở lại trên sàn HoSE hôm nay với giá trị 112.6 tỷ đồng. Với lực mua tập trung ở các cổ phiếu như Vingroup-VIC (+104.4 tỷ), Petrolimex-PLX (+96.9 tỷ) và Vincom Retail-VRE (+84.9 tỷ). Trong khi đó, những cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất là Tập

## Giao dịch thỏa thuận

Mã CK	Khối lượng ('000 cp)	GTGD (tỷ đồng)
<b>HOSE</b>		
VIC	1,537.6	186.44
KDC	3,330.0	182.82
AGG	2,078.0	99.46
EIB	2,550.0	80.05
VPB	1,146.0	79.81
E1VFN30	2,000.0	49.98
SAB	228.0	37.98
ACB	1,000.0	35.30
HVN	1,203.0	33.63
GMD	690.0	29.08
<b>HNX</b>		
IDC	67,875.0	2,208.17
NVB	1,560.0	29.56
HUT	2,500.0	18.50
VC3	310.0	6.26
MAS	141.1	5.36
BII	200.0	1.50
SPI	36.0	0.59

đoàn KIDO-KDC (-323.1 tỷ), VPBank-VPB (-96.4 tỷ), Đô thị Kinh Bắc-KBC (-71.2 tỷ).

Trên sàn HNX, HNX-Index đóng cửa giảm nhẹ xuống mức 318.29 điểm (-0.22%). KLGĐ khớp lệnh đạt 153.0 triệu cổ phiếu (-7.4%), tương đương 4,135.8 tỷ đồng giá trị (+3.4%).

Những cổ phiếu khiến HNX-Index giảm điểm mạnh nhất trong phiên hôm nay là Ngân hàng Sài Gòn Hà Nội-SHB (-4.1%), Dầu khí PTSC-PVS (-2.0%), Vicostone-VCS (-1.6%) và Bảo hiểm PVI-PVI (-2.5%). Ngược lại, nhóm chứng khoán vẫn đang duy trì được đà tăng điểm khá tích cực với các cổ phiếu như Chứng khoán Sài Gòn Hà Nội -SHS (+5.6%), Chứng khoán VNDIRECT-VND (+2.8%), Chứng khoán MB-MBS (+1.0%). Bên cạnh đó, nhóm BĐS khu công nghiệp cũng rực rỡ tăng với một số cổ phiếu đáng chú ý như Idico-IDC (+9.7%), Hạ tầng Vĩnh Phúc-IDV (+4.4%), Phát triển Công nghiệp Bảo Thư-BII (+8.7%).

Khối ngoại giảm bán ròng trên sàn HNX với giá trị chỉ còn 2.1 tỷ đồng (-97.8%). Một số cổ phiếu bị bán ròng chủ yếu là Tập đoàn PAN-PAN (-9.5 tỷ), Dung dịch Khoan Dầu khí-PVC (-4.9 tỷ), Chứng khoán Bảo Việt-BVS (-2.5 tỷ). Trong khi đó, Chứng khoán VNDIRECT-VND (+17.8 tỷ) sau khi bị bán mạnh hôm qua đã được mua trở lại cùng một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng như Than Núi Béo-NBC (+0.8 tỷ), Bảo hiểm PVI-PVI (+0.5 tỷ).

Theo quan điểm kỹ thuật, VN Index tiếp tục có phiên tăng điểm. Khối lượng giao dịch vẫn duy trì tương đương phiên trước và dưới mức bình quân 10 và 20 phiên cho thấy dòng tiền tham gia không có dấu hiệu mạnh hơn. Tuy vậy, chỉ số vẫn đang duy trì đóng cửa trên các đường MA5 và MA20, cùng với ADX nằm trên vùng 26 và đường +DI duy trì khoảng cách so với -DI cho tín hiệu duy trì xu hướng tăng điểm hiện tại. Chỉ số có thể tiếp tục tăng lên thử thách lại vùng đỉnh cũ quanh 1,375 điểm hoặc xa hơn là vùng kháng cự tâm lý 1,400 điểm. Đối với sàn Hà Nội, HNX Index có diễn biến trái chiều với phiên giảm điểm nhẹ. Tín hiệu điều chỉnh không quá xấu với nền giảm thân nhỏ cho thấy áp lực bán không mạnh và chỉ số vẫn duy trì đóng cửa trên MA5 cho khả năng đây chỉ là phiên rung lắc kỹ thuật về kiểm định vùng hỗ trợ quanh MA5 và MA20 (310-315 điểm) trước khi quay lại thử thách vùng đỉnh cũ quanh 330 điểm. Nhìn chung, thị trường vẫn giữ được xu hướng tăng. Do đó, nhà đầu tư có thể cân nhắc tận dụng các nhịp rung lắc để tái cơ cấu danh mục hướng tới các cổ phiếu có cơ bản tốt và thu hút được dòng tiền mạnh.

## Thông kê top 5 cổ phiếu giao dịch khớp lệnh

### HOSE

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
HCD	5.2	1,778.7	7.0%
FTS	34.5	1,145.1	7.0%
BMI	35.3	936.2	7.0%
DRC	29.2	6,252.2	7.0%
VOS	4.9	4,275.3	7.0%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
FUCTVGF2	12.0	0.6	-7.0%
TSC	12.9	6,112.0	-6.9%
VAF	9.7	0.5	-6.3%
VPB	66.5	38,980.1	-6.2%
PME	77.0	0.6	-5.9%

#### Top 5 giá trị

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VPB	66.5	2,657.8	-6.2%
HPG	53.2	1,159.0	-0.7%
TCB	52.3	1,036.6	-0.8%
MBB	39.3	978.2	0.0%
STB	30.1	904.9	-2.3%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
VPB	66.5	38,980.1	-6.2%
STB	30.1	29,859.5	-2.3%
MBB	39.3	24,890.5	0.0%
HPG	53.2	21,828.7	-0.7%
KBC	37.9	20,962.8	6.9%

### HNX

#### Top 5 tăng giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
PTI	34.1	37.1	10.0%
IDC	39.4	79,287.0	9.7%
DNC	57.6	0.1	9.7%
L61	9.1	8.4	9.6%
THS	26.2	1.9	9.6%

#### Top 5 giảm giá

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
SSC	40.9	1.0	-9.9%
QHD	38.6	0.2	-9.0%
PMP	10.5	0.3	-8.7%
SHE	17.0	10.8	-8.1%
HAD	18.0	7.3	-7.7%

#### Top 5 giá trị

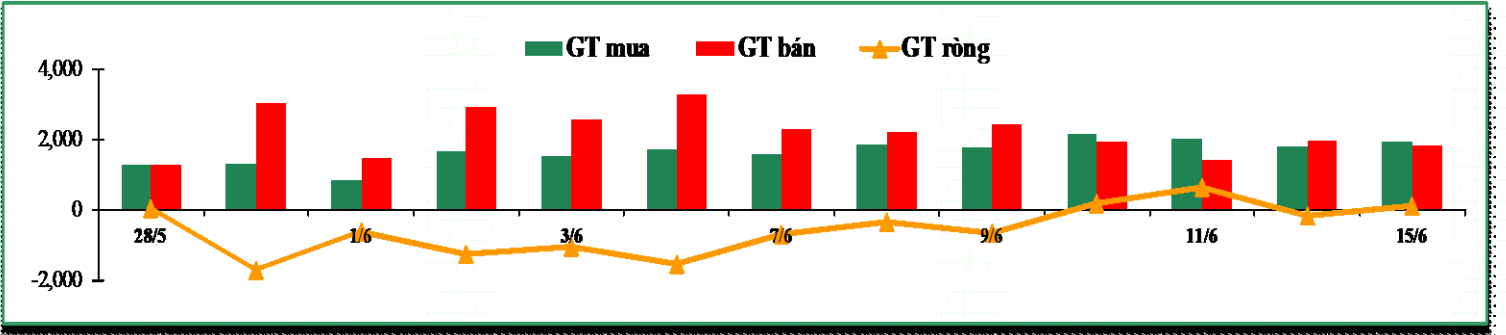
Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
IDC	39.4	2,651.7	9.7%
SHB	28.0	897.0	-4.1%
SHS	43.2	744.3	5.6%
PVS	28.7	431.9	-2.0%
VND	44.7	427.6	2.8%

#### Top 5 khối lượng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD ('000 CP)	Thay đổi (%)
IDC	39.4	79,287.0	9.7%
SHB	28.0	31,348.3	-4.1%
SHS	43.2	17,425.1	5.6%
PVS	28.7	14,886.6	-2.0%
VND	44.7	9,589.1	2.8%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	GT Mua	% Thị trường	GT Bán	% Thị trường	Mua-Bán
HOSE	1,874.3	7.7%	1,761.7	7.2%	112.6
HNX	60.3	0.9%	62.5	1.0%	-2.1
<b>Tổng số</b>	<b>1,934.6</b>		<b>1,824.2</b>		<b>110.4</b>



### HOSE

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	121.7	205.0	1.4%
VNM	92.9	168.1	0.4%
PLX	54.8	147.9	-0.4%
VHM	112.6	102.6	2.5%
VRE	32.9	101.4	2.8%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
KDC	59.9	323.7	1.7%
VPB	66.5	150.2	-6.2%
VNM	92.9	122.1	0.4%
HPG	53.2	105.0	-0.7%
VIC	121.7	100.6	1.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VIC	121.7	104.4	1.4%
PLX	54.8	96.9	-0.4%
VRE	32.9	84.9	2.8%
VHM	112.6	70.3	2.5%
PDR	92.5	64.8	1.2%

### HNX

#### Top 5 mua nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	44.7	51.5	2.8%
SHB	28.0	1.4	-4.1%
PAN	27.3	1.3	1.5%
NBC	9.0	0.8	-2.2%
PVI	43.7	0.5	-2.5%

#### Top 5 bán nhiều nhất

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	44.7	33.7	2.8%
PAN	27.3	10.7	1.5%
PVC	12.0	4.9	-2.4%
BVS	28.8	2.7	-1.7%
TNG	24.8	1.9	-0.4%

#### Top 5 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VND	44.7	17.8	2.8%
NBC	9.0	0.8	-2.2%
PVI	43.7	0.5	-2.5%
MBG	7.5	0.3	0.0%
NRC	20.4	0.3	3.0%

## Tin trong nước

### **YSVN: Dự báo ACB và GVR thay SBT và TCH trong rổ VN30**

Ngày 19/7 tới đây, Sở GDCK TP HCM (HoSE) sẽ công bố danh mục quý III của chỉ số VN30-Index và chỉ số mới sẽ chính thức có hiệu lực từ ngày 2/8. Ngày chốt số liệu vào 30/6.

YSVN dự báo ACB có thể được thêm vào danh mục của VN30 do đủ thời gian niêm yết. Bên cạnh đó, GVR cũng dự kiến được thêm vào do freefloat (tỷ lệ cổ phiếu tự do chuyển nhượng) dưới 10% nhưng giá trị vốn hóa theo freefloat lớn hơn 2.500 tỷ.

Ở chiều ngược lại, SBT và TCH có thể bị loại khỏi VN30 trong kỳ cơ cấu này do giá trị vốn hóa theo freefloat nhỏ hơn 30 mã đã thêm.

Hiện VN30 được có 3 quỹ VFM VN30 ETF, SSIAM VN30 ETF và MAFM VN30 ETF sử dụng làm chỉ số tham chiếu. Các quỹ ETF này sẽ hoàn tất cơ cấu danh mục vào ngày 30/7 trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực vào 2/8.

### **NHNN xử lý yêu cầu nói ‘room’ tín dụng cho ngân hàng**

Trao đổi với *Người Đồng Hành*, ông Phạm Thanh Hà, Vụ trưởng Chính sách Tiền tệ cho biết Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp nhận và xử lý đề xuất nói, cấp thêm ‘room’ tín dụng mới cho các ngân hàng sử dụng hết chỉ tiêu.

Trước đó, một số ngân hàng có tình trạng hết “room” tín dụng và thắt chặt giải ngân nhằm kiểm soát không vượt trần. Với các nhà băng được cấp chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cao nhất ngành như Vietcombank và Techcombank, hoạt động giải ngân vẫn diễn ra bình thường.

VDSC dự báo các ngân hàng tư nhân sẽ duy trì được tăng trưởng tín dụng trong quý II, do đã chạm mức trần tín dụng từ lâu trước khi kết thúc quý. Dù bị ảnh hưởng bởi đại dịch, dư nợ tín dụng của các ngân hàng này sẽ được duy trì ở mức trần được giao.

Theo thông tin từ Hội báo Chính phủ thường kỳ tháng 5, tăng trưởng tín dụng đạt 4,67%. Con số này cao hơn 1% so với mức tăng trưởng được NHNN công bố tính đến 16/4 là 3,34%. 5 tháng đầu năm 2020, tín dụng chỉ tăng 2%. Tăng trưởng tín dụng tốt hơn năm trước nhưng các ngân hàng cần thận trọng với nợ xấu.

### **Bổ sung hơn 462 tỷ đồng cho 27 địa phương nhằm phát triển thủy sản**

Vừa qua, Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định số 930/QĐ-TTg về việc bổ sung kinh phí thực hiện một số chính sách phát triển thủy sản.

Theo đó, Chính phủ đồng ý về cơ chế hỗ trợ từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương để thực hiện một số chính sách phát triển thủy sản, bao gồm chi phí đào tạo, duy tu, sửa chữa định kỳ tàu cá vỏ thép..

Đặc biệt, tổng kinh phí bổ sung là 462,095 tỷ đồng, được trích từ ngân sách trung ương cho 27 địa phương thực hiện chính sách phát triển thủy sản từ năm 2015 đến năm 2019.

Nguồn: NDH

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **FPT lãi ròng 5 tháng tăng hơn 18%**

Theo thông tin từ CTCP FPT (HoSE: FPT), doanh thu và lợi nhuận trước thuế trong 5 tháng đầu năm đạt 13.279 tỷ đồng và 2.428 tỷ đồng, tăng 18,6% và 21,8% so với cùng kỳ. FPT hoàn thành 39% kế hoạch lợi nhuận trước thuế sau 5 tháng.

Biên lợi nhuận trước thuế tăng từ 17,8% lên 18,3%. Lợi nhuận sau thuế cho cổ đông công ty mẹ và EPS lần lượt đạt 1.569 tỷ đồng và 1.996 đồng, tăng 18,3% và 17,8%. Doanh thu và lợi nhuận trước thuế mảng dịch vụ công nghệ thông tin (CNTT) trong nước đạt 1.983 tỷ đồng và 207 tỷ đồng, tăng lần 46,0% và 251,5%.

Ngày 2/6 vừa qua, FPT chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức còn lại năm 2020 bằng tiền tỷ lệ 10%. Thời gian thanh toán 16/6/2021. Như vậy với hơn 789 triệu cổ phiếu đang lưu hành, FPT sẽ chi khoảng 789 tỷ đồng trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

Đồng thời công ty cũng chốt danh sách cổ đông phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông. Tỷ lệ phát hành 15%, FPT sẽ phát hành hơn 118,3 triệu cổ phiếu trả cổ tức đợt này cho cổ đông.

### **Hợp ĐHCĐ PVTrans: Trình lại phương án thoái vốn nhà nước, giữ quan điểm giảm về 36%**

Sáng ngày 15/6, Tổng công ty Vận tải Dầu khí (PV Trans, HoSE: PVT) đã tổ chức họp ĐHCĐ thường niên 2021.

Năm 2020, PVTrans gặp nhiều khó khăn từ đại dịch Covid-19 và giá dầu biến động mạnh. Tuy nhiên doanh thu vẫn ghi nhận 7.730 tỷ đồng, vượt 25% kế hoạch. Lợi nhuận sau thuế thu về 830 tỷ đồng, tăng 1% so với năm 2019 nhưng vượt 92% kế hoạch năm.

Với kết quả trên, cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận với việc chia cổ tức tiền mặt 10%, tương đương với số tiền gần 324 tỷ đồng.

Sang năm 2021, tổng công ty đặt mục tiêu doanh thu hợp nhất 6.000 tỷ, giảm hơn 22% so với năm ngoái. Chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế 500 tỷ đồng, giảm 52% so với cùng kỳ. Kế hoạch lợi nhuận sau thuế 404 tỷ đồng, giảm 51% so với cùng kỳ (năm ngoái kế hoạch 433 tỷ đồng).

Tập đoàn đang trình lại phương án thoái vốn tại PVTrans, trên quan điểm giữ mức thoái về 36%.

Nguồn: NDH

## Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	PAN	Bán	07/06/21	27.3	27	1.1%	31	14.8%	25.4	-5.9%	Tín hiệu yếu hơn kỳ vọng, khả năng còn điều chỉnh hoặc tích lũy thêm
2	VCS	Mua	16/06/21	103.7	103.7	0.0%	122	17.6%	97.8	-5.7%	Tín hiệu điều chỉnh tích cực, khả năng sớm tăng trở lại

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Kháng cự	Tín hiệu kỹ thuật
1	IDC	Quan sát mua	16/06/21	39.4	47-48	Phiên tăng mạnh trở lại, phủ nhận phiên giảm mạnh vol cao, thủng ngưỡng hỗ trợ trước đó cho khả năng phiên giảm này là phiên rũ bỏ -> khả năng quay lại nhịp tăng và vượt được kháng cự 41-42
2	VEA	Quan sát mua	16/06/21	47	52-54	Tín hiệu test cung tích cực với nền rút chân dài kèm vol thấp -> khả năng tiếp tục xu hướng tăng
3	BCG	Quan sát mua	16/06/21	13.25	14.5-15 16-16.5	Tín hiệu điều chỉnh nhẹ bên dưới MA50 sau khi thoát được kênh giảm trung hạn + vol cạn dần -> có cơ hội sớm vượt MA50 và quay lại xu hướng tăng trung hạn

## Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	VSC	Nắm giữ	28/04/21	59	49.9	18.2%	60	20.2%	47	-6%	Nâng giá mục tiêu lên 60 ngàn
2	PVS	Nắm giữ	19/05/21	28.7	21.8	31.7%	31.3	43.6%	20.5	-6%	
3	BVH	Mua	04/06/21	61.2	54.9	11.5%	63	15%	53	-3%	
4	VRE	Mua	10/06/21	32.85	31.7	3.6%	36	14%	30	-5%	

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

5	PLC	Mua	14/06/21	26.3	26.4	-0.4%	30.6	16%	24.7	-6%
6	KBC	Mua	15/06/21	37.85	35.4	6.9%	42	19%	33.3	-6%

## Danh mục chứng quyền có đảm bảo

Mã chứng quyền	Thống kê giao dịch chứng quyền ngày 15/06/2021									Thông tin chứng quyền				
	Giá phát hành (VND)	Giá đóng cửa (VND)	Tăng/giảm trong ngày (%)	Tăng/giảm so với giá phát hành (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND)	Chênh lệch so với giá đóng cửa	CTCKPH	CKCS	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày đáo hạn
CFPT2016	2,580	9,420	2.0%	265%	104,620	7	83,200	7,726	(1,694)	SSI	FPT	50,000	4.3	22/06/2021
CFPT2101	1,500	4,490	4.4%	199%	15,260	20	83,200	1,690	(2,800)	MBS	FPT	74,500	5.2	05/07/2021
CHDB2101	1,000	3,450	-3.6%	245%	2,580	99	34,750	1,020	(2,430)	KIS	HDB	29,888	5.0	22/09/2021
CHPG2020	5,700	46,110	2.5%	709%	370	15	53,200	38,890	(7,220)	VND	HPG	26,000	0.7	30/06/2021
CHPG2101	1,050	8,800	0.0%	738%	6,260	99	53,200	2,324	(6,476)	KIS	HPG	46,888	2.9	22/09/2021
CHPG2102	6,600	31,000	0.0%	370%	6,460	20	53,200	17,497	(13,503)	ACBS	HPG	41,000	0.7	05/07/2021
CHPG2103	3,900	14,610	-2.3%	275%	7,080	21	53,200	7,501	(7,109)	VND	HPG	42,000	1.5	06/07/2021
CHPG2104	1,500	9,100	-1.6%	507%	10,090	20	53,200	3,842	(5,258)	MBS	HPG	44,800	2.2	05/07/2021
CHPG2105	3,000	16,950	0.3%	465%	48,590	55	53,200	7,557	(9,393)	HCM	HPG	42,000	1.5	09/08/2021
CHPG2106	4,100	14,000	-0.1%	241%	7,060	73	53,200	2,368	(11,632)	MBS	HPG	50,200	1.5	27/08/2021
CHPG2107	1,300	5,850	-1.7%	350%	16,980	58	53,200	7	(5,843)	KIS	HPG	59,368	3.7	12/08/2021
CHPG2108	1,200	5,830	-2.5%	386%	27,000	58	53,200	7	(5,823)	KIS	HPG	59,456	3.7	12/08/2021
CKDH2002	1,600	3,850	-1.5%	141%	5,290	62	36,900	2,685	(1,165)	KIS	KDH	27,333	3.6	16/08/2021
CKDH2101	1,000	2,950	0.0%	195%	4,370	99	36,900	866	(2,084)	KIS	KDH	33,333	4.5	22/09/2021
CKDH2102	2,800	5,880	-2.0%	110%	6,090	59	36,900	3,282	(2,598)	MBS	KDH	31,100	1.8	13/08/2021
CMBB2101	1,600	7,050	-1.4%	341%	23,420	21	39,300	6,666	(384)	VND	MBB	26,000	2.0	06/07/2021
CMBB2102	1,200	3,400	-0.3%	183%	5,980	58	39,300	495	(2,905)	KIS	MBB	34,468	10.0	12/08/2021
CMSN2101	1,050	2,920	1.0%	178%	2,450	99	106,500	428	(2,492)	KIS	MSN	99,999	20.0	22/09/2021
CMSN2102	1,000	2,500	-3.1%	150%	5,280	99	106,500	130	(2,370)	KIS	MSN	111,111	20.0	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMSN2103	3,000	5,800	1.8%	93%	6,950	59	106,500	3,134	(2,666)	MBS	MSN	88,000	6.0	13/08/2021
CMWG2013	12,000	25,000	4.2%	108%	1,620	15	137,900	20,992	(4,008)	VND	MWG	96,000	2.0	30/06/2021
CMWG2101	2,400	2,600	-4.4%	8%	9,270	21	137,900	2,104	(496)	VND	MWG	117,000	10.0	06/07/2021
CMWG2102	3,000	6,000	-2.8%	100%	2,140	48	137,900	3,648	(2,352)	VCI	MWG	120,000	5.0	02/08/2021
CMWG2103	1,900	1,540	-9.4%	-19%	14,710	20	137,900	955	(585)	MBS	MWG	128,500	10.0	05/07/2021
CMWG2104	2,400	8,410	-3.3%	250%	2,050	(85)	137,900	(282)	(8,692)	ACBS	MWG	135,000	10.0	22/03/2021
CMWG2105	2,950	4,450	-2.2%	51%	4,110	73	137,900	983	(3,467)	MBS	MWG	131,500	8.0	27/08/2021
CNVL2101	1,000	4,840	-2.2%	384%	7,250	99	104,000	2,261	(2,579)	KIS	NVL	77,999	11.7	22/09/2021
CNVL2102	1,100	3,130	0.0%	185%	13,190	104	104,000	1	(3,129)	KIS	NVL	128,399	11.8	27/09/2021
CPDR2101	1,100	4,900	5.2%	345%	37,970	73	92,500	1,028	(3,872)	KIS	PDR	88,888	5.0	27/08/2021
CPDR2102	1,100	5,400	3.9%	391%	8,290	104	92,500	1,237	(4,163)	KIS	PDR	88,999	5.0	27/09/2021
CPNJ2101	1,700	2,200	-4.4%	29%	9,120	21	96,000	1,828	(372)	VND	PNJ	78,000	9.9	06/07/2021
CPNJ2102	2,000	4,900	1.2%	145%	8,970	48	96,000	3,245	(1,655)	VCI	PNJ	80,000	5.0	02/08/2021
CPNJ2103	2,900	3,620	-5.7%	25%	12,210	3	96,000	3,443	(177)	MBS	PNJ	78,800	5.0	18/06/2021
CREE2101	2,300	2,350	6.8%	2%	16,240	21	56,900	2,240	(110)	VND	REE	48,000	4.0	06/07/2021
CSBT2101	1,100	2,480	-4.3%	125%	9,530	99	20,500	11	(2,469)	KIS	SBT	24,666	5.0	22/09/2021
CSTB2101	1,000	6,700	-0.3%	570%	8,110	99	30,100	4,115	(2,585)	KIS	STB	21,999	2.0	22/09/2021
CSTB2103	1,400	7,600	-4.0%	443%	13,990	55	30,100	6,079	(1,521)	HCM	STB	18,000	2.0	09/08/2021
CSTB2104	4,000	10,520	-6.1%	163%	4,930	73	30,100	7,298	(3,222)	MBS	STB	22,900	1.0	27/08/2021
CTCB2012	5,400	30,750	0.2%	469%	12,610	45	52,300	30,358	(392)	SSI	TCB	22,000	1.0	30/07/2021
CTCB2101	5,000	24,000	-0.8%	380%	6,130	112	52,300	21,504	(2,496)	ACBS	TCB	31,000	1.0	05/10/2021
CTCB2102	2,300	8,300	-1.2%	261%	9,870	21	52,300	8,172	(128)	VND	TCB	36,000	2.0	06/07/2021
CTCB2103	2,900	9,750	-1.0%	236%	15,880	55	52,300	8,457	(1,293)	HCM	TCB	35,500	2.0	09/08/2021
CTCB2104	2,000	7,300	0.0%	265%	4,580	73	52,300	3,365	(3,935)	MBS	TCB	45,800	2.0	27/08/2021
CTCH2003	1,600	2,090	-7.1%	31%	14,110	62	22,300	39	(2,051)	KIS	TCH	23,999	3.9	16/08/2021
CTCH2101	1,000	2,770	-2.5%	177%	4,780	99	22,300	82	(2,688)	KIS	TCH	24,666	3.9	22/09/2021
CTCH2102	2,750	2,800	-4.8%	2%	9,280	59	22,300	19	(2,781)	MBS	TCH	25,000	2.0	13/08/2021
CTCH2103	1,200	1,650	-7.3%	38%	18,240	58	22,300	0	(1,650)	KIS	TCH	31,668	4.0	12/08/2021
CVHM2101	1,100	3,380	-4.0%	207%	5,870	99	112,600	486	(2,894)	KIS	VHM	106,888	16.0	22/09/2021
CVHM2102	1,900	2,900	3.2%	53%	17,940	21	112,600	2,571	(329)	VND	VHM	87,000	10.0	06/07/2021
CVHM2104	1,600	3,200	-2.7%	100%	15,550	55	112,600	1,492	(1,708)	HCM	VHM	98,000	10.0	09/08/2021
CVHM2105	1,500	3,500	-4.9%	133%	7,150	59	112,600	1,020	(2,480)	MBS	VHM	105,000	8.0	13/08/2021
CVHM2106	1,300	3,600	2.9%	177%	21,230	58	112,600	52	(3,548)	KIS	VHM	118,668	10.0	12/08/2021
CVIC2101	1,000	3,080	1.3%	208%	3,740	99	121,700	114	(2,966)	KIS	VIC	126,888	20.0	22/09/2021
CVIC2103	1,100	2,540	-1.9%	131%	5,970	104	121,700	0	(2,540)	KIS	VIC	165,899	20.0	27/09/2021
CVNM2101	1,100	2,210	-3.9%	101%	2,580	99	92,900	0	(2,210)	KIS	VNM	126,888	19.6	22/09/2021

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVNM2102	1,700	390	-40.9%	-77%	56,690	21	92,900	(0)	(390)	VND	VNM	108,994	9.8	06/07/2021
CVNM2103	1,700	110	-8.3%	-94%	68,110	3	92,900	0	(110)	MBS	VNM	104,000	9.9	18/06/2021
CVNM2104	1,480	3,050	-4.4%	106%	6,510	90	92,900	20	(3,030)	MBS	VNM	103,000	9.9	13/09/2021
CVNM2105	1,100	1,890	-1.6%	72%	15,720	104	92,900	0	(1,890)	KIS	VNM	119,399	19.8	27/09/2021
CVPB2015	5,600	41,200	-6.9%	636%	9,840	45	66,500	40,569	(631)	SSI	VPB	26,000	1.0	30/07/2021
CVPB2101	2,900	15,300	-8.4%	428%	10,270	21	66,500	14,773	(527)	VND	VPB	37,000	2.0	06/07/2021
CVPB2103	2,700	15,500	-8.8%	474%	42,760	55	66,500	15,059	(441)	HCM	VPB	36,500	2.0	09/08/2021
CVPB2104	2,500	8,100	-8.0%	224%	18,320	73	66,500	5,903	(2,197)	MBS	VPB	49,000	3.0	27/08/2021
CVRE2013	5,000	6,450	-0.2%	29%	11,290	45	32,850	5,423	(1,027)	SSI	VRE	27,500	1.0	30/07/2021
CVRE2101	1,200	2,400	-3.6%	100%	2,590	99	32,850	170	(2,230)	KIS	VRE	34,567	4.0	22/09/2021
CVRE2102	1,800	1,130	-1.7%	-37%	39,060	21	32,850	722	(408)	VND	VRE	30,000	4.0	06/07/2021
CVRE2103	1,300	2,200	-3.9%	69%	13,240	55	32,850	318	(1,882)	HCM	VRE	32,000	4.0	09/08/2021
CVRE2104	3,000	3,300	0.0%	10%	1,270	59	32,850	141	(3,159)	MBS	VRE	34,300	2.0	13/08/2021

## Cập nhật danh mục cổ phiếu phân tích

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý*	Ngày ra báo cáo	Lợi nhuận 2021F (tỷ)	EPS 2021F	BV 2021F	ROE 2021F	ROA 2021F	PE 2021F	PB 2021F	Cổ tức dự kiến**	
KDH	(New)	HOSE	36,900	37,950	14/06/2021	1,174	1,934	15,986	14%	8%	19.6	2.4	-
GMD	(New)	HOSE	42,150	54,800	09/06/2021	541	1,794	22,180	8%	5%	12.8	1.0	0%
AAA	(New)	HOSE	17,250	21,500	07/06/2021	413	1,739	17,474	11%	5%	10.2	1.0	-
NLG	(New)	HOSE	39,250	43,800	31/05/2021	1,120	4,276	26,800	16%	9%	10.2	1.6	5%
VRE	(New)	HOSE	32,850	42,500	31/05/2021	2,603	1,419	11,745	9%	6%	35.5	3.6	-
VHM		HOSE	112,600	137,000	31/05/2021	34,194	10,223	42,470	36%	11%	13.4	4.2	-
PHR		HOSE	56,600	67,600	28/05/2021	1,146	8,158	20,173	32%	16%	6.6	2.1	30%
GVR		HOSE	31,800	40,200	28/05/2021	4,906	1,042	13,121	9%	6%	38.6	3.1	3%
SZC		HOSE	40,900	44,500	28/05/2021	202	2,025	13,476	15%	3%	22.0	3.3	0%
KBC		HOSE	37,850	47,200	28/05/2021	1,682	3,251	25,883	14%	6%	14.5	1.5	0%
REE		HOSE	56,900	62,100	28/05/2021	1,937	5,984	45,456	14%	9%	10.4	1.4	0%
ANV		HOSE	28,800	26,000	27/05/2021	281	2,202	18,506	12%	6%	11.8	1.4	-
VHC		HOSE	45,500	48,900	27/05/2021	951	5,188	31,003	12%	17%	9.4	1.6	-
FMC		HOSE	36,800	43,900	27/05/2021	236	4,014	21,355	17%	12%	10.0	1.9	-
MPC		UPCOM	40,500	44,700	27/05/2021	762	3,811	27,801	14%	8%	11.7	1.6	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

IMP		HOSE	76,800	63,700	27/05/2021	241	3,611	27,902	13%	11%	17.7	2.3	-
DHG		HOSE	95,500	100,400	27/05/2021	742	5,676	28,774	20%	16%	18.1	3.6	30%
FRT		HOSE	28,000	37,700	26/05/2021	113	1,426	15,852	5%	1%	26.5	2.4	10%
DGW		HOSE	125,000	155,000	26/05/2021	448	10,410	36,323	29%	12%	14.9	4.3	20%
PNJ		HOSE	96,000	116,000	26/05/2021	1,538	6,762	27,589	25%	16%	17.2	4.2	20%
MWG		HOSE	137,900	168,000	26/05/2021	6,019	12,654	43,999	29%	11%	13.4	3.8	15%
SAB		HOSE	168,500	182,900	26/05/2021	4,985	7,369	36,116	21%	17%	26.6	5.1	35%
MSN		HOSE	106,500	104,500	26/05/2021	2,784	2,382	16,687	16%	3%	43.9	6.3	-
VNM		HOSE	92,900	128,000	26/05/2021	10,488	4,972	16,501	30%	20%	25.8	7.8	45%
TCM		HOSE	84,300	82,800	17/05/2021	287	4,630	28,532	16%	9%	17.9	2.9	-
STK		HOSE	38,000	41,000	17/05/2021	187	2,211	14,974	15%	10%	18.6	2.7	-
NVL		HOSE	104,000	104,600	13/05/2021	4,369	4,389	29,673	13%	3%	23.8	3.5	-
VGG		UPCOM	43,500	55,500	13/05/2021	187	4,249	41,384	10%	4%	13.1	1.3	20%
VCB		HOSE	102,800	118,300	10/05/2021	22,986	6,198	32,887	21%	2%	19.1	3.6	-
ACB		HOSE	35,350	39,800	10/05/2021	9,253	4,281	21,066	24%	2%	7.6	1.4	-
TCB		HOSE	52,300	51,300	10/05/2021	15,741	4,497	25,278	19%	3%	11.4	2.0	-
GEG		HOSE	16,200	21,200	07/05/2021	388	1,273	12,788	10%	4%	16.8	1.7	4%
BMP		HOSE	60,500	66,900	06/05/2021	551	6,735	32,184	21%	17%	9.9	2.1	43%
CTD		HOSE	62,900	69,200	29/04/2021	593	7,960	112,448	7%	4%	8.7	0.7	10%
FPT		HOSE	83,200	91,800	14/04/2021	5,036	4,730	26,109	25%	11%	19.4	3.5	20%
VGS		HNX	19,200	24,600	13/04/2021	171	3,623	25,974	20%	5%	7.5	1.4	10%
SMC		HOSE	37,150	37,200	13/04/2021	313	4,961	17,978	20%	8%	6.8	1.4	10%
ACV		UPCOM	72,100	85,600	09/04/2021	3,027	1,390	17,759	8%	5%	60.6	4.7	6%
PLX		HOSE	54,800	64,800	31/03/2021	4,563	3,668	17,545	18%	7%	17.7	3.7	30%
SBT		HOSE	20,500	30,000	25/03/2021	744	1,165	13,578	9%	4%	25.8	2.2	5%
QNS		UPCOM	39,200	48,000	16/03/2021	1,043	1,491	20,653	14%	8%	32.2	2.3	-
GAS		HOSE	88,700	102,000	05/03/2021	10,892	5,691	27,913	20%	15%	18.0	3.7	35%
MSH		HOSE	60,900	56,300	03/03/2021	336	6,721	30,835	22%	12%	8.4	1.8	-
TNG		HOSE	24,800	23,800	19/02/2021	198	2,671	16,167	17%	5%	8.9	1.5	-
GIL		HOSE	60,800	54,800	05/02/2021	317	8,813	43,186	20%	10%	6.2	1.3	-
BSR		UPCOM	20,000	12,900	05/02/2021	1,337	431	10,444	4%	2%	29.9	1.2	0%
GTN		HOSE	18,650	36,290	29/01/2021	303	621	16,074	7%	8%	58.4	2.3	0%
LHG		HOSE	41,000	30,400	19/01/2021	180	3,601	26,394	11%	6%	8.1	1.0	-

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CTR		UPCOM	92,800	78,800	19/01/2021	223	3,172	14,460	23%	6%	21.1	4.6	10%
POW		HOSE	12,050	14,700	19/01/2021	2,837	1,055	14,071	9%	5%	13.9	1.0	3%

\* Giá mục tiêu chưa điều chỉnh cổ tức sau ngày báo cáo.  
 \*\* Tỷ lệ cổ tức dự kiến năm 2021 trên mệnh giá.

## Đảm bảo phân tích

Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## Định nghĩa xếp loại

**Overweight (OW)** =cao hơn thị trường nội địa trên 10%

**Neutral (N)** =bằng thị trường nội địa với tỷ lệ từ +10%~ -10%

**Underweight (UW)** =thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

**Not Rated (NR)** = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## Miễn trách

Thông tin này được tổng hợp từ các nguồn mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy, nhưng chúng tôi không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của nó. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của chúng tôi vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Fax: (84-28) 5 413 5472

Customer Service: (84-28) 5 411 8855

Call Center: (84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5478

Fax: (84-28) 5 413 5473

### Chi nhánh Quận 3

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam, 157 Võ Thị Sáu, Phường 6, Quận 3, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

### Chi Nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Phone: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

### Chi nhánh Tân Bình

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415

### Chi Nhánh Hà Nội

Tầng 5, Tòa nhà Vinafor, 127 Lò Đúc, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

Phone: (84-24) 3 933 4566

Fax: (84-24) 3 933 4820

### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Bản tin này được cung cấp bởi Phòng phân tích – CTCP chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.